TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41**/2025/HS-ST
Ngày: 18-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Quang Nhuận,

Bà Nguyễn Thị Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Kim Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa*:** ông Bùi Trọng Th, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2024; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 28/TB-TA, ngày 15/01/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/HSST-QĐ, ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đối với bị cáo:

Lường Thị V, sinh ngày 07/3/1996, tại tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú hiện nay: bản X, xã M, huyện G, tỉnh Điện Biên; Số thẻ CCCD: 011196004854; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: V Nam; Con ông Lường Văn Th, sinh năm 1962 và bà Quàng Thị Ng, sinh năm 1962; có chồng là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1995, và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án; không; Tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị tạm giam từ ngày 21/12/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: bà Lê Thị D, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

Các Bị hại:

(1). Anh Cà Thanh T, sinh ngày: 24/6/2007, vắng mặt có lý do.

Người đại diện hợp pháp của anh Cà Thanh T: bà Quàng Thị H, sinh năm: 1986, có mặt

Địa chỉ cư trú: bản X, xã M, huyện G, tỉnh Điện Biên.

(2). Anh Nùng Văn T1, sinh ngày: 21/12/2006, địa chỉ cư trú: bản X, xã M, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

(3). Anh Lường Văn V1, sinh ngày: 02/11/2006, địa chỉ cư trú: bản X, xã M, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

(4). Anh Quàng Văn B, sinh ngày: 05/02/2005, địa chỉ cư trú: bản C, xã M, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

(5). Anh Lò Xuân Q, sinh ngày: 17/12/2004, địa chỉ cư trú: bản X, xã M, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

(6). Anh Quàng Văn S, sinh ngày: 15/01/2001, địa chỉ cư trú: bản X, xã M, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

(7). Anh Quàng Quốc Th, sinh ngày: 01/01/2003, địa chỉ cư trú: bản X, xã M, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

(8). Anh Quàng Văn M, sinh ngày: 05/09/2003, địa chỉ cư trú: bản T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

(9). Anh Nùng Văn M, sinh ngày: 17/5/2002, địa chỉ cư trú: bản C, xã M, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

(1). Ông Nùng Văn V, sinh năm 1976, địa chỉ cư trú: bản C, xã M, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

(2). Bà Quàng Thị H, sinh năm 1986, địa chỉ cư trú: bản X, xã M, huyện G, tỉnh Điện Biên, có mặt.

(3). Bà Lường Thị D, sinh năm 1985, địa chỉ cư trú: bản X, xã M, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

(4). Bà Quàng Thị H, sinh năm: 1989, địa chỉ cư trú: bản X, xã M, huyện G, tỉnh Điện Biên, có mặt.

(5). Bà Lường Thị Q, sinh năm 1978, địa chỉ cư trú: bản C, xã M, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

(6). Bà Điêu Thị Q, sinh năm 1987, địa chỉ cư trú: bản X, xã M, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

(7). Bà Lò Thị Gi, sinh năm 1983, địa chỉ cư trú: bản X, xã M, huyện G, tỉnh Điện Biên, có mặt.

(8). Bà Quàng Thị V, sinh năm 1973, địa chỉ cư trú: bản X, xã M, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

(9). Ông Quàng Văn S, sinh năm 1978, địa chỉ cư trú: bản T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên, có mặt.

Người làm chứng:

(1). Anh Lường Văn Ngh, sinh ngày 27/10/2000, địa chỉ cư trú: bản S, xã Q, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

(2). Anh Lò Văn Q, sinh ngày 01/7/2005, địa chỉ cư trú: bản C, xã Q, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

(3). Anh Lò Văn Tr, sinh ngày 26/8/2002, địa chỉ cư trú: bản Ph, xã Q, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

(4). Anh Bạc Cầm Ch, sinh ngày 16/12/1998, địa chỉ cư trú: bản C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

(5). Anh Quàng Văn Th, sinh ngày 27/4/2004, địa chỉ cư trú: bản Cá, xã Q, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

(6). Anh Lò Duy M, sinh ngày 18/12/2006, địa chỉ cư trú: bản Phủ, xã Q, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

(7). Anh Lườngg Văn Q, sinh ngày 25/10/2006, địa chỉ cư trú: bản Kh, xã Q, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

(8). Anh Lò Văn H, sinh ngày 30/11/2000, địa chỉ cư trú: bản Phủ, xã Q, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

(9). Ông Nùng Văn H, sinh ngày 09/01/1985, địa chỉ cư trú: bản C, xã M, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

(10). Ông Đặng Xuân B, sinh ngày 15/6/1988, địa chỉ cư trú: bản X, xã M, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

(11). Ông Hoàng Văn H, sinh ngày 07/7/1989, địa chỉ cư trú: bản M, xã M, huyện G, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại Cà Thanh T, Nùng Văn T1, Lường Văn V1, Quàng Văn B, Lò Xuân Q, Quàng Văn S, Quàng Văn M, Quàng Quốc Th, Nùng Văn M: ông Tạ Ngọc Vân, sinh năm 1982, là luật sư thuộc Văn phòng luật sư Tạ Vân và cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: số 879 Hồng Hà, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2022 đến cuối tháng 3/2023, bị cáo Lường Thị V xuất cảnh trái phép sang Myanmar làm việc cho một công ty do người Trung Quốc có tên tH gọi là "Sẻo A Huy" làm chủ; công việc là sử dụng mạng xã hội để lừa đảo người khác nhằm chiếm đoạt tài sản. Trong công ty có 02 người phụ nữ làm quản lý là người V Nam, một người tên tH gọi là An (quá trình điều tra xác định tên thật là Nguyễn Thị A) và một người phụ nữ tên tH gọi là M (qua quá trình điều tra xác định tên thật là Tạ Thị H), A và H vừa làm quản lý, vừa làm người phiên dịch tiếng Trung Quốc và tiếng V trong công ty. Công ty có khoảng 20 người Trung Quốc hướng dẫn, chỉ đạo các nhân viên làm công

việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản, công ty thuê khoảng 40 người Myanmar làm công việc bảo vệ, canh gác xung quanh công ty (tH gọi là bảo an) có nhiệm vụ kiểm soát người ra vào công ty, ai làm việc ở công ty thời gian dài, chăm chỉ, lừa được nhiều người thì sẽ được công ty cấp thẻ ra vào nhưng chỉ ở trong khu vực công ty hoạt động không được đi đâu. Khi bắt đầu vào làm việc, công ty yêu cầu ký hợp đồng ít nhất là 06 tháng nhiều nhất là 02 năm. Người lao động sẽ được học cách thức để lên mạng xã hội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời gian làm việc là 12 giờ/ngày, nếu không làm đủ chỉ tiêu hoặc làm việc chống đối sẽ bị bắt làm thêm 02 giờ. Bên cạnh đó, nếu không làm được việc còn bị chủ công ty đánh đập, phạt chạy bộ, nhốt vào phòng kín, nếu muốn về thì phải nộp tiền phạt hợp đồng với số tiền lớn. Do không làm được việc, công ty trả lương thấp và đã hết hợp đồng nên tháng 3/2023 bị cáo V về V Nam. Trước khi về V Nam, H và A nói với V nếu đưa được người sang Myanmar vào công ty làm việc sẽ được công ty trả số tiền là 01 vạn nhân dân tệ (khoảng hơn 32 triệu đồng tiền V Nam)/ 01 người hoặc được hưởng hoa hồng 02% trên số tiền các công dân lừa được trong một tháng.

Khoảng cuối tháng 3/2023, bị cáo Lường Thị V từ Yathai, Myanmar về V Nam; bị cáo V gọi điện cho anh Nùng Văn T1, anh Cà Thanh T (sinh ngày: 24/6/2007) qua mạng xã hội Facebook từ tài khoản "Út Em" rủ đi làm công ty ở Thái Lan, công việc nhẹ nhàng, chỉ cần biết gõ máy tính, lương từ 20 đến 21 triệu một tháng. Cùng thủ đoạn trên, bị cáo V gọi điện hoặc gặp trực tiếp các bị hại gồm: anh Lường Văn V1, anh Quàng Văn B, anh Lò Xuân Q, anh Nùng Văn M rủ sang công ty tại Thái Lan làm việc. Các công dân nhất trí đi, bị cáo V đề nghị các công dân cung cấp ảnh, thông tin cá nhân, số điện thoại của bản thân và của bố mẹ để làm hộ chiếu; bị cáo V chuyển thông tin cho H để làm hộ chiếu online và đặt vé máy bay. Sau khi được H thông báo đã có hộ chiếu; bị cáo V gọi điện thoại thông báo cho các anh V, B, Th, Q, T, M chuẩn bị đồ đạc và xuống Hà Nội. Tối ngày 09/4/2023, các anh V, B, Th, Q, T, M đi xe khách đi từ huyện G xuống Hà Nội; H gọi điện cho thông báo cho bị cáo V có thêm 03 người ở G, tỉnh Điện Biên xuống Hà Nội cùng chuyến nhờ đón 03 người đó đi cùng. Ngày 10/9/2023, bị cáo V ra bến Mỹ Đình để đón các công dân, ngoài các anh V, B, Th, Q, T, M còn có 03 người ở G là anh Lườngg Văn Q, anh Quàng Văn Th, anh Lò Duy M nhà đều ở bản Ph, xã Q, huyện G, tỉnh Điện Biên đi cùng xe (sau này thông qua H bị cáo V biết các anh Lườngg Văn Q, Quàng Văn Th, Lò Duy M do Lò Thị Ph, sinh năm 1996, trú tại bản Ph, xã Q, huyện G, tỉnh Điện Biên giới thiệu đưa sang Myanmar bàn giao cho A và H để vào công ty Trung Quốc làm việc). Bị cáo Lường Thị V đưa 09 người đến một nhà nghỉ gần sân bay Nội Bài để nghỉ, khoảng 11 giờ cùng ngày, bị cáo V nhận hộ chiếu tại cửa nhà nghỉ và phát cho 09 người; về vé máy bay H đã đặt online và gửi vé cho bị cáo V qua Wechat, bị cáo V dùng Zalo tài khoản tên "Lan Anh" gửi ảnh vé máy bay của 09 người (03 người 01 vé) cho 03 người là anh Quàng Văn B, anh Nùng Văn M và anh Lò Duy M để làm thủ tục; bị cáo V và 06 công dân do bị cáo dẫn đi lập nhóm Zalo để tiện liên lạc trao đổi thông tin. Tạ Thị H đặt vấn đề chuyển tiền cho bị cáo Lường Thị V để đổi ra tiền bạt đưa cho 09 người đi sang

Myanmar sử dụng trên đường, nếu không dùng đến thì sang đến Myanmar trả lại cho H; bị cáo V bảo H chuyển khoản vào tài khoản của anh B sau đó anh B chuyển khoản cho chủ nhà nghỉ hơn 40 triệu đồng tiền V Nam đổi được 60 nghìn Bạt tiền Thái Lan, bị cáo V là người cầm số tiền này. Đến khoảng hơn 11 giờ ngày 10/4/2023, bị cáo V thuê 02 xe taxi để đưa mọi người ra sân bay, bị cáo V đã đưa số tiền 60 nghìn Bạt cho anh B và bảo chia cho 3 nhóm (mỗi nhóm 20 nghìn Bạt) nếu có việc cần thiết thì tiêu, tiền thừa sang bên đó gặp H trả lại cho H. Đến sân bay Nội Bài, bị cáo Lường Thị V chụp ảnh 03 nhóm, mỗi nhóm 03 người và gửi ảnh cho H để khi xuống sân bay có người ra nhận diện và đón, sau đó anh B đã đưa cho anh Nùng Văn M và anh Lò Duy M mỗi người 20 nghìn Bạt. Đến sân bay Bangkok, Thái Lan, mọi người nhắn tin vào nhóm Zalo cho bị cáo V bảo người ra đón, bị cáo V gọi Wechat cho H bảo người ra đón, sau đó H gửi ảnh biển số xe đón người cho bị cáo, V chuyển ảnh vào trong nhóm Zalo và nhắn chụp ảnh chung của 09 người gửi lên nhóm để bị cáo V gửi cho người đón, sau đó bị cáo V gửi ảnh nhóm 09 người cho H qua Zalo. Khi 09 công dân đến công ty Trung Quốc tại Myanmar đã chụp ảnh đưa lên nhóm Zalo để thông báo đến nơi, bị cáo V nhắn tin trong nhóm bảo đến đó có H làm quản lý trong công ty, còn V thì làm ở gần công ty, cứ yên tâm cần gì thì nhắn tin cho H hoặc Viện; bị cáo V bảo B thu lại số tiền Bạt Thái Lan, các công dân đã tiêu 1.000 Bạt tiền ăn đi đường nên còn 59 nghìn Bạt, sau đó anh B đã gặp H và đưa số tiền 59 nghìn Bạt. Sau một thời gian vào công ty Trung Quốc làm việc, anh Nùng Văn M gọi điện qua Facebook cho bị cáo V hỏi về việc sao lại đưa sang Myanmar vào công ty Trung Quốc làm việc mà không phải là sang Thái Lan làm việc như lúc đầu nói chuyện, bị cáo V không giải thích gì mà chỉ nói là sang rồi thì cứ cố gắng làm đi. Khoảng một tháng sau, anh Mạnh tiếp tục gọi cho bị cáo V qua Facebook hỏi về việc lương cứng như lúc đầu bị cáo V giới thiệu là từ 20 đến 21 triệu một tháng, nhưng tháng đầu tiên công ty trả cho chỉ có 10 triệu đồng; bị cáo V nói cứ cố gắng làm đi, nếu làm được công ty sẽ tăng lương cho.

Quá trình ở nhà chờ lấy căn cước công dân và làm hộ chiếu để sang Myanmar vào làm việc tại quán KTV (quán hát) của A và H, bị cáo V tiếp tục lừa gạt thêm được anh Quàng Quốc Th để đưa sang Myanmar làm việc. Sau đó, bị cáo V cũng bảo anh Th gửi ảnh thẻ, ảnh chụp căn cước công dân, thông tin bố mẹ, số điện thoại chính chủ của để bị cáo V gửi cho H làm hộ chiếu. Khoảng giữa tháng 5/2023, H nhắn tin qua Wechat gửi cho bị cáo V một số điện thoại của một người tên là Tr và bảo gọi cho Tr hỏi địa chỉ nhà đưa Th xuống cùng đi sang Myanmar, khi bị cáo V gọi điện cho anh Tr được biết nhà ở bản Ph, xã Q, huyện G, tỉnh Điện Biên. Bị cáo Lường Thị V thuê xe taxi đưa Th xuống nhà anh Tr để cùng xuống Hà Nội; bị cáo V cho anh Th ứng trước số tiền 02 triệu đồng để đi lại, trả tiền xe khách. Tối ngày 16/5/2023, anh Th và Tr đi xe khách xuống Hà Nội, bị cáo V gửi số điện thoại của anh Th cho H để người của H mang hộ chiếu đến cho anh Th và anh Tr. Quá trình di chuyển H nói với bị cáo V đã có người hướng dẫn anh Tr và anh Th đi sang Myanmar nên không cần V hướng dẫn nữa. Ngày 17/5/2023, anh Th và anh Tr làm thủ tục bay sang sân bay Yangon, Myanmar được H bố trí người đón đưa vào công ty Trung Quốc làm

việc. Ngày 24/5/2023, bị cáo Lường Thị V và Sa Thị Th (cháu của V) cùng nhau làm thủ tục bay sang sân bay Yangon, Myanmar, sau đó, đến làm nhân viên phục vụ ở quán KTV (quán hát) của A và H. Trong thời gian đang làm việc tại quán hát, bị cáo V tiếp tục sử dụng thủ đoạn cũ dùng Facebook "Út Em" để nhắn tin cho anh Quàng Văn S và anh Quàng Văn M để lừa gạt đưa các công dân sang Myanmar làm việc; bị cáo V bảo anh S và anh M chụp ảnh chân dung, ảnh chụp căn cước công dân, thông tin bố mẹ, số điện thoại chính chủ gửi cho cho bị cáo V để gửi cho H làm hộ chiếu, do căn cước công dân của anh S đang mang đi thế chấp, nên anh S được bị cáo V cho ứng trước 06 triệu để trả nợ và lấy căn cước công dân ra. Đến gần ngày đi, anh M nhắn tin cho bị cáo V hỏi ứng tiền, sau đó H đã bảo A chuyển khoản số tiền 03 triệu cho anh M. Khi có hộ chiếu, H thông báo V biết để nói với anh S và anh M chuẩn bị xuống Hà Nội làm thủ tục bay sang Myanmar; bị cáo Lường Thị V lập nhóm Facebook để hướng dẫn anh S và anh M đi sang Myanmar. Tối 28/6/2023, anh S và anh M đi xe khách xuống Hà Nội, rồi đến nhà nghỉ gần sân bay Nội Bài để nghỉ ngơi, bị cáo V gửi số điện thoại của người mang hộ chiếu cho anh S và anh M, khi lấy được hộ chiếu bị cáo V gửi vé máy bay online (vé máy bay do H đã đặt trước) và hướng dẫn cho anh S và anh M check in vé làm thủ tục bay, đến chiều ngày 30/6/2023, anh S và anh M bay sang sân bay Yangon, Myanmar, H bố trí người đón anh S và anh M đưa vào công ty Trung Quốc.

Ngày 01/7/2023, khi Quàng Văn S và Quàng Văn M vào công ty Trung Quốc làm việc, bị cáo V nhắn tin cho A để tính tiền công đưa 09 công dân sang công ty Trung Quốc làm việc, sau khi tính toán, A thông báo cho bị cáo V như sau: bị cáo V đưa 09 công dân sang công ty được 09 vạn tiền Trung Quốc tương đương 280.000.000 đồng tiền V, sau khi trừ số tiền bị cáo đã ứng và tiền 02 vé máy bay từ Myanmar về V Nam mà bị cáo V đã nhờ A mua thì chỉ còn lại 64 triệu đồng; A đã sử dụng tài khoản ngân hàng 1027516801 mang tên Huỳnh Thị Ngọc T (là cháu gái của A) chuyển khoản số tiền trên vào tài khoản BIDV số 3600921707 mang tên Lường Thị V, số tiền 64 triệu đồng nói trên, bị cáo V đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình làm việc tại hai công ty Trung Quốc ở Myanmar, các công dân phải ký hợp đồng lao động, bị ép làm công việc lừa đảo trên mạng xã hội, các công dân không làm được, không hoàn thành chỉ tiêu thì bị quản lý công ty phạt làm thêm giờ, trừ tiền lương, có công dân bị nhốt vào một phòng riêng có người canh gác bảo vệ, bỏ đói; nếu muốn về thì phải nộp tiền phá hợp đồng, số tiền tuỳ thuộc vào thời gian làm việc, làm càng lâu thì tiền chuộc càng lớn, nếu không nộp tiền chuộc sẽ bị bán sang công ty khác. Đầu tháng 8 năm 2023, anh Quàng Văn M xin về, công ty yêu cầu phải nộp số tiền phá hợp đồng là 65 triệu đồng, gia đình anh M đã gửi 70 triệu đồng (trong đó 65 triệu đồng nộp cho công ty, 05 triệu đồng là tiền xe về V Nam). Sau đó, anh Quàng Văn S và anh Nùng Văn M không làm được cũng xin công ty về, ban đầu công ty yêu cầu mỗi người phải nộp số tiền 150 triệu, anh S sau đó được công ty giảm xuống còn 80 triệu đồng, anh M là 100 triệu đồng. Sau khi nộp đủ tiền cho công ty thì anh M, anh S và anh M được công ty cho về V Nam. Khoảng giữa tháng 10 năm 2023, biết tin

các anh V, B, Th, T, Q, Th sắp bị công ty đưa đi bán sang công ty khác, bị cáo V đã nhờ H, A lên nói chuyện với công ty xin nộp tiền chuộc. Ngày 18/10/2023, H thông báo với bị cáo V nói với gia đình các công dân chuyển 35 triệu đồng/ 01 người để H giúp chuộc ra khỏi công ty, sau đó H tiếp tục bảo với bị cáo V phải nộp thêm 15 triệu đồng/ một người nữa (tổng là 50 triệu đồng/01 người) để chuộc các công dân ra khỏi công ty Trung Quốc; H gửi cho bị cáo V 03 số tài khoản ngân hàng gồm: Tài khoản ngân hàng Vietcombank số 9358929382 mang tên HO HUU A, tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035909329026 mang tên NGUYEN THAO NG, tài khoản ngân hàng ACB số 22668666 mang tên THAI THI TH để chuyển tiền vào, H nói đây là các tài khoản của người đổi tiền, H sẽ đổi sang tiền Trung Quốc rồi nộp cho công ty chuộc các công dân ra. Các gia đình đã chuyển cho bị cáo V tổng số tiền 289,5 triệu đồng vào tài khoản BIDV số 3600921707 mang tên Lường Thị V, sau đó các công dân đã trở về V Nam.

Tại Bản kết luận giám định số: 183/KL-KTHS ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đối với: 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, số IMEI 1: 357569690460251, điện thoại lắp 01 sim Viettel số 0869.189.778, điện thoại đã cũ, qua sử dụng thu giữ của Lường Thị V, kết luận như sau:

Trích xuất được dữ liệu điện tử phù hợp yêu cầu giám định lưu trữ trong 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, số IMEI: 357569690460251, cụ thể:

- Đối với ứng dụng Facebook: 1650 danh bạ, 501 cuộc gọi, 2735 tin nhắn;

- Đối với ứng dụng Zalo: 316 danh bạm 73 cuộc gọi Zalo, 4422 tin nhắn Zalo;

- Đối với ứng dụng Telegram: 1671 tin nhắn;

- Đối với ứng dụng Wechat: 90 danh bạ, 21.115 tin nhắn.

Tiến hành đóng gói dữ liệu trên, thu được: 01 (một) tệp tin tên: CATDB-QDTC09.iso, kích cỡ: 1,41 GB, mã MD5: 8de3830ec89aa31180ccff1ea1876c94 được lưu trữ vào 01 (một) đĩa DVD dung lượng 4,7 GB.

Cáo trạng số 32/CT-VKS-P2 ngày 21/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lường Thị V về tội "*Mua bán người*" theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 150 của Bộ luật Hình sự và tội "*Mua bán người dưới 16 tuổi*" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 151 của Bộ luật Hình sự.

Bị hại anh Lò Xuân Q *trình bày tại Cơ quan điều tra:* bị cáo V là cô họ của anh Q, khoảng tháng 3/2023, bị cáo V rủ anh sang Thái Lan làm việc, bị cáo nói chỉ cần biết gõ máy tính, lương cứng từ 20 triệu đến 21 triệu đồng/ 01 tháng, chưa tính tiền hoa hồng, sau khi thống nhất, anh Q và các anh Quàng Văn B, Nùng Văn T1, Nùng Văn M, Lường Văn V1, Cà Thanh T nhất trí đi. Tối ngày 09/4/2023, 06 người cùng nhau đi xe khách xuống Hà Nội, khi bị cáo V đón tại bến xe nói có thêm 3 người đi cùng là Lườngg Văn Q, Quàng Văn Th, Lò Duy M, tổng 09 người đi Thái Lan. Khi đến sân bay tại Thái Lan có hai người đàn

ông Thái Lan đón, sau đó đến một nhà nghỉ tại Thái Lan giáp biên giới Myanmar nghỉ ngơi, đến chiều có người đến đón mọi người đến cửa khẩu sang Myanmar, mọi người được 02 người đàn ông Trung Quốc đón và đưa vào một công ty của người Trung Quốc tại Yathai, Myanmar để làm việc. Ngày 12/4/2023, mọi người bắt đầu làm việc, khi vào làm việc không phải ký hợp đồng, anh Q và mọi người được người của công ty hướng dẫn công việc, biết là công việc lừa đảo nhưng bị ép phải làm, nếu không làm đủ chỉ tiêu được giao thì phải tăng ca. Khoảng tháng 5/2023, bị cáo V sang Myanmar đến chỗ mọi người làm, lúc đi chơi bị cáo V nói là mỗi người bị cáo V rủ sang làm việc thì được nhận từ 25 đến 30 triệu đồng, nhưng chưa nhận được tiền. Đến ngày 27/5/2023, anh Q và anh Quàng Văn B bị chuyển sang công ty khác gần công ty cũ. Họ cung cấp cho anh một tài khoản mạng xã hội Facebook và Zalo để đăng bài trên app Casino để lừa người khác kiếm tiền, do không đạt doanh thu nên họ bắt làm tăng thêm 02 tiếng/ngày, bắt chống đẩy, số tiền làm được sẽ bị trừ vào tiền phạt không đủ doanh thu. Do không thu được lợi nhuận anh bị công ty nhốt và đe dọa ép gọi điện bảo gia đình chuyển tiền chuộc, anh bị bắt nộp 11.000 USD, công ty nói nếu không có tiền chuộc thì sẽ bị bán sang công ty khác, gia đình anh gom được 12 triệu đồng nhờ người quen chuyển tài khoản qua cho Bạc Cầm Ch để đổi thành tiền điện tử gửi cho ông chủ. Do không có đủ tiền chuộc nên ngày 17/10/2023 họ đã đưa anh lên xe đi bán cho công ty khác, trong quá trình di chuyển thì bị Bảo An giữ lại đưa về ký túc xá của công ty cũ, ở đây chị Mai nói mỗi người chuẩn bị 50 triệu thì được về. Sau đó anh không biết gia đình chuyển tiền như thế nào, sau khi giải quyết xong, đến tháng 11/2023 anh được giải cứu về V Nam thông qua đường cửa khẩu ở tỉnh Quảng B. Anh yêu cầu bị cáo V bồi thường cho gia đình anh số tiền 50 triệu đồng mà gia đình đã gửi để chuộc anh về.

Bị hại anh Cà Thanh T *trình bày tại Cơ quan điều tra:* bị cáo V là dì họ của anh, khoảng đầu tháng 4/2023, bị cáo V bảo với anh sang Thái Lan bán quần áo, lương tháng khoảng 20 triệu đến 21 triệu đồng. Ngày 09/4/2024, có 06 người gồm anh T, các anh Quàng Văn B, Nùng Văn T1, Nùng Văn M, Lường Văn V1, Lò Xuân Q cùng đi xe khách xuống Hà Nội, trưa ngày hôm sau, có thêm 03 người nữa là Lườngg Văn Q, Quàng Văn Th, Lò Duy M cùng 06 người đi ra sân bay Nội Bài để đi đến sân bay Băng Cốc, Thái Lan. Sau khi đến sân bay Băng Cốc, có người đến đón mọi người đi đến một nhà nghỉ tại Thái Lan giáp biên giới Myanmar, sáng hôm sau có người đến đón mọi người đến cửa khẩu sang Myanmar làm thủ tục xuất cảnh sang Myanmar đến một công ty của người Trung Quốc. Tại đây, mọi người được hướng dẫn công việc, sau khi vào làm anh M biết đó là công việc lừa đảo người nước ngoài, nhưng nếu không làm thì sẽ bị tăng giờ làm. Đến ngày 30/6/2023, anh bị chuyển sang công ty khác làm việc, trong thời gian làm việc nếu không làm được việc thì sẽ bị công ty bắt nhốt vào phòng riêng và đe dọa, sau đó yêu cầu phải nộp tiền chuộc là 240 triệu đồng. Ngày 17/10/2023, khi anh và mọi người bị chuyển sang công ty khác thì bị Bảo an (Công an Myanmar) bắt và đưa về nhốt ở công ty cũ. Tại đây có người phụ nữ tên Mai bảo gia đình chuyển số tiền 50 triệu đồng để được về V Nam.

Đến giữa tháng 11/2023, anh và mọi người được giải cứu đưa về V Nam qua cửa khẩu ở tỉnh Quảng B. Anh yêu cầu bị cáo V bồi thường cho gia đình anh số tiền 50 triệu đồng để chuộc anh về.

Bị hại anh Nùng Văn T1 *trình bày tại Cơ quan điều tra:* bị cáo V là chị họ của anh, khoảng cuối tháng 3/2023, bị cáo V nhắn tin cho anh hỏi có đi làm Thái Lan không, công việc chỉ cần biết gõ máy tính, lương cứng từ 20 triệu đồng đến 21 triệu đồng/ tháng, nếu làm được nhiều thì sẽ được thêm tiền. Anh đồng ý, cùng đi với anh Thanh có các Quàng Văn B, Lường Văn V1, Lò Xuân Q, Nùng Văn M, Cà Thanh T. Tối ngày 09/4/2023, 06 người cùng nhau đi xuống Hà Nội, trưa hôm sau có thêm 03 người đi cùng là Lường Văn Q, Quàng Văn Th và Lò Duy M; 09 người từ sân bay Nội Bài bay đến sân bay ở Thái Lan, sau đó được đón đến nhà nghỉ ở Thái Lan gần biên giới Myanmar. Sáng hôm sau, 09 người được đón đến cửa khẩu Myanmar làm thủ tục xuất cảnh sang Myanmar, sau đó được đón đến một công ty của người Trung Quốc. Sau một thời gian làm việc, anh M biết đó là công việc lừa đảo, đến tháng 6/2023, anh bị chuyển sang công ty khác, công ty ép phải làm đủ chỉ tiêu, nếu không đủ sẽ bị tăng giờ làm và chống đẩy, bị đánh đập và bỏ đói. Anh sợ muốn xin về nhưng công ty nói phải chuyển 230 triệu đồng tiền chuộc thì M được về, nếu không có tiền sẽ bị bán sang công ty khác. Do không có tiền chuộc nên anh bị bán sang công ty khác, trên đường đi sang công ty khác thì bị Bảo an (Công an Myanmar) bắt và đưa về nhốt ở công ty cũ. Tại đây có chị M đưa điện thoại cho mọi người liên lạc với gia đình chuyển tiền sang để về, sau đó tháng 11/2023 anh và mọi người được về V Nam thông qua đường cửa khẩu ở tỉnh Quảng B. Anh yêu cầu bị cáo V phải bồi thường cho gia đình anh số tiền 50 triệu đồng là tiền mà gia đình anh đã đi vay mượn để chuộc anh về.

Bị hại anh Lường Văn V1 *trình bày tại Cơ quan điều tra:* bị cáo V là cô họ của anh, khoảng cuối tháng 3/2023, nghe nói nhiều người bạn của anh được bị cáo V rủ sang nước ngoài làm việc nên anh bảo bà anh là bà Lò Thị S lên hỏi bị cáo V sang Thái Lan làm công việc gì. Sau khi được bị cáo V nói công việc chỉ cần biết đánh máy tính là được, lương khoảng 20 triệu đến 21 triệu/tháng thì anh V đồng ý đi. Tối ngày 09/4/2023, có anh V và các anh Quàng Văn B, Nùng Văn T1, Lò Xuân Q, Cà Thanh T, Nùng Văn M (06 người) cùng nhau đi xuống Hà Nội, trưa hôm sau có thêm 03 người nữa là Lường Văn Q, Quàng Văn Th và Lò Duy M đi cùng, cả 09 người cùng bay từ sân bay Nội Bài, V Nam đến sân bay Bang Kok, Thái Lan. Khi đến Thái Lan có người đón mọi người cùng đi đến một nhà nghỉ tại Thái Lan gần biên giới Myanmar nghỉ một đêm, sáng hôm sau mọi người được đưa đến cửa khẩu làm thủ tục xuất cảnh sang Myanmar. Khi đến Myanmar mọi người được đưa vào một công ty của người Trung Quốc tại Yathai, Myanmar để làm việc. Mọi người được công ty hướng dẫn việc làm, quá trình làm việc thì anh M biết đó là công ty làm về lừa đảo, nhưng nếu không làm việc thì sẽ bị tăng giờ làm. Sau đó ngày 30/6/2023, anh và một số người khác bị chuyển sang công ty khác, tại đây anh được giao cho một máy tính và 02 điện thoại, những người trong công ty ép anh phải lên ứng dụng Telegram giả làm quen yêu đương rồi dụ dỗ khách hàng đầu tư vào các app tiền ảo đầu tư rồi chiếm đoạt tiền của họ, nếu không làm được việc sẽ bị phạt chống đẩy, nhảy

cóc. Ngày 09/10/2023, do nhiều lần không làm được chỉ tiêu nên anh xin công ty nghỉ không nữa, công ty nói muốn nghỉ phải nộp 230 triệu để đền hợp đồng, do không có đủ tiền nên họ nhốt anh vào phòng làm việc và ép người thân chuyển đủ tiền M thả về. Ngày 17/10/2023, anh và một số người khác bị bán sang công ty khác, trên đường đi thì bị Bảo an Myanmar bắt và nhốt ở công ty cũ. Tại đây, chị M nói anh và mọi người liên hệ với gia đình gửi tiền sang để được về. Đến giữa tháng 11/2023, anh được giải cứu về V Nam thông qua đường cửa khẩu ở tỉnh Quảng B. Anh yêu cầu bị cáo V phải bồi thường cho gia đình anh số tiền 50 triệu đồng là tiền mà gia đình anh đã đi vay mượn để chuộc anh về.

Bị hại anh Quàng Văn B *trình bày tại Cơ quan điều tra:* bị cáo V là cô họ của anh, khoảng cuối tháng 3/2023, bị cáo V sang nhà anh rủ đi Thái Lan làm việc, anh đồng ý, sau đó anh cùng với các anh Lường Văn V1, Nùng Văn T1, Lò Xuân Q, Cà Thanh T, Nùng Văn M chụp ảnh để đi làm hộ chiếu, đến tối ngày 09/4/2023 cả 06 người cùng nhau đi xuống Hà Nội, trưa ngày hôm sau có thêm 03 người là Lườngg Văn Q, Quàng Văn Th và Lò Duy M đi cùng, cả 09 người cùng bay từ sân bay Nội Bài, V Nam đến sân bay Băng Cốc, Thái Lan. Khi đến Thái Lan có người đón mọi người cùng đi đến một nhà nghỉ tại Thái Lan gần biên giới Myanmar nghỉ một đêm, sáng hôm sau mọi người được đưa đến cửa khẩu làm thủ tục xuất cảnh sang Myanmar. Khi đến Myanmar mọi người được đưa vào một công ty của người Trung Quốc tại Yathai, Myanmar để làm việc; trong quá trình làm việc anh M biết đây là làm công việc lừa đảo, dù biết nhưng do công ty ép nên anh vẫn tiếp tục phải làm. Đến ngày 27/5/2023, anh B và anh Lò Xuân Q bị chuyển sang công ty khác gần công ty cũ, ở đây họ cung cấp cho mỗi người một số tài khoản mạng xã hội Facebook và Zalo, đăng bài trên app Casino để lừa người khác kiếm tiền, nếu không làm đủ chỉ tiêu thì sẽ bị bắt làm thêm giờ, bắt chống đẩy, trừ tiền. Do nhiều tháng không làm được việc nên ngày 30/9/2023, anh B bị nhốt vào và đe đọa bắt ép gọi điện về gia đình gửi 260 triệu đồng tiền chuộc. Do gia đình không gửi đủ tiền nên anh bị bán sang công ty khác, trên đường di chuyển sang công ty khác thì bị Bảo an Myanmar bắt đưa về làm việc, sau đó có chị Mai bảo mỗi người chuẩn bị 50 triệu đồng để được về. Anh nhờ chị gái ruột là chị Quàng Thị V cũng đang làm việc ở Myanmar chuyển tiền 50 triệu đồng cho chị Mai, sau đó đến tháng 11/2023, anh được giải cứu về V nam qua đường cửa khẩu ở tỉnh Quảng B. Anh yêu cầu bị cáo V phải bồi thường cho gia đình anh số tiền 50 triệu đồng là tiền mà gia đình anh đã đi vay mượn để chuộc anh về.

Bị hại Nùng Văn M *vắng mặt tại địa phương trong quá trình điều tra, giai đoạn chuẩn bị xét xử anh Mạnh xin xét xử vắng mặt và trình bày trong đơn như sau*: khoảng cuối tháng 3/2023, bị cáo V rủ anh đi Thái Lan làm việc, lương tháng từ 20 triệu đến 21 triệu đồng, không mất chi phí đi lại. Sau đó, đến tối ngày 09/4/2023 anh xuống Hà Nội, trưa ngày hôm sau bay từ sân bay Nội Bài, V Nam đến sân bay Bang kok, Thái Lan. Khi đến Thái Lan có người đón mọi người cùng đi đến một nhà nghỉ tại Thái Lan gần biên giới Myanmar nghỉ một đêm, sáng hôm sau mọi người được đưa đến cửa khẩu làm thủ tục xuất cảnh

sang Myanmar. Khi đến Myanmar mọi người được đưa vào một công ty của người Trung Quốc tại Yathai, Myanmar để làm việc; trong quá trình làm việc anh M biết đây là làm công việc lừa đảo, dù biết nhưng do công ty ép nên anh vẫn tiếp tục phải làm. Đến tháng 10/2023, công ty buộc anh phải nộp 100 triệu đồng thì M cho về V Nam; sau đó gia đình anh M đã gửi tiền sang cho công ty và anh M đã được về V Nam. Anh yêu cầu bị cáo V phải bồi thường cho gia đình anh số tiền 100 triệu đồng là tiền mà gia đình anh đã đi vay mượn để chuộc anh về.

Bị hại anh Quàng Quốc Th *trình bày tại Cơ quan điều tra*: bị cáo V là cô họ của anh, đầu tháng 5/2023, bị cáo V sang nói có công việc ở Thái Lan đi làm đến Tết về, chỉ cần biết gõ máy tính, lương cứng 20 triệu đồng/tháng; anh đồng ý và đi làm hộ chiếu. Đến ngày 16/5/2023, anh Th đi xe khách xuống Hà Nội cùng anh Lò Văn Tr và bạn gái của anh Tr. Sáng ngày 17/5/2023, cả ba người cùng làm thủ tục bay, nhưng làm thủ tục xong M biết là bay sang Myanmar chứ không phải Thái Lan. Đến ngày 18/5/2023, có người đến đón 03 người đến một nhà nghỉ, đến ngày 19/5/2023 anh Th và Lò Văn Tr được đưa vào công ty còn bạn gái đi cùng thì không biết đi đâu. Công ty có chỉ dẫn cho một số nội dung liên quan đến công việc, lúc này anh M biết là công việc lừa đảo nhưng công ty ép, dọa nếu không làm sẽ bán sang công ty khác. Cùng tháng có anh Lò Xuân Q, anh Quàng Văn B chuyển từ công ty khác đến làm cùng với anh; đến tháng 6, tháng 7 có anh Lường Văn V1, anh Cà Thanh T, anh Nùng Văn T1, anh Nùng Văn M chuyển từ công ty khác đến làm cùng. Do không lừa được ai, công ty bắt phải tăng ca, hít đất, phạt tiền; đến tháng 8/2023, anh không làm nữa, công ty yêu cầu tiền chuộc là 210 triệu đồng, do không có tiền nên anh lại tiếp tục làm. Đến đầu tháng 9/2023, công ty nói phải nộp 11.000 USD nếu không có sẽ bị bán sang công ty khác. Sau đó mẹ anh có chuyển cho anh 15 triệu đồng để anh chuyển cho công ty. Do không có đủ tiền nộp cho công ty nên anh bị bán cho công ty khác, trên đường đi bị Công an Myanmar giữ lại, chị Mai nói với anh bảo người nhà chuyển 50 triệu thì sẽ được về, gia đình anh chuyển 50 triệu cho bị cáo V. Sau đó đến tháng 10/2023, anh Th được giải cứu về V Nam, anh yêu cầu bị cáo V phải bồi thường cho gia đình anh số tiền 50 triệu đồng tiền gia đình gửi để chuộc anh về.

Bị hại anh Quàng Văn S *trình bày tại cơ quan điều tra:* bị cáo V là chị họ của anh, khoảng đầu tháng 6/2023, anh gọi điện hỏi thăm sức khỏe, bị cáo V rủ anh sang Thái Lan làm việc, lương khoảng 20 triệu đồng/tháng, công việc làm trên máy tính; khoảng 2-3 hôm sau có anh Quàng Văn M gọi điện nói đi cùng anh sang Thái Lan làm việc. Tối ngày 28/6/2023, anh và anh M đi xe khách xuống Hà Nội, chiều ngày 30/6/2023, anh và anh M đến sân bay Nội Bài làm thủ tục bay đến sân bay Yangon, Myanmar, lúc này anh M biết là đến Myanmar chứ không phải Thái Lan. Sau khi đến Myanmar, cả 02 người được đưa vào một công ty của người Trung Quốc, công việc là lên mạng xã hội Facebook, Zalo, Telegram tìm kiếm khách hàng để lừa tiền. Làm được 4 -5 ngày anh M biết đó là công việc lừa đảo, nhưng nếu không làm sẽ bị phạt chống đẩy, đứng làm việc, làm việc được hai tháng thì anh bị công ty sa thải, yêu cầu gia đình phải gửi tiền chuộc là 80 triệu đồng M cho về; sau đó gia đình chuyển tiền chuộc và 43 triệu

tiền xe đi về V Nam. Anh yêu cầu bị cáo V phải bồi thường cho gia đình anh số tiền 80 triệu đồng vay mượn để chuộc anh về.

Bị hại anh Quàng Văn M *trình bày tại Cơ quan điều tra:* anh có quen biết với chị Quàng Thị V là người ở cùng bị cáo V ở Myanmar. Khoảng cuối tháng 5/2023, bị cáo V gọi cho anh từ số điện thoại của chị V, bị cáo rủ anh sang Thái Lan làm việc, công việc làm trên máy tính, lương tháng khoảng 20 đến 30 triệu đồng; anh đồng ý đi. Ngày 28/6/2023, anh và anh S đi xe xuống Hà Nội, chiều ngày 30/6/2023, anh và anh S từ sân bay Nội Bài bay đến sân bay Yangon, Myanmar, lúc đó anh M biết đi sang Myanmar chứ không phải Thái Lan. Sau đó có người đưa anh và S đến một công ty người Trung Quốc; công việc làm là lên mạng xã hội Facebook, Zalo, Telegram lập tài khoản ảo là các cô gái đẹp rồi tìm kiếm khách hàng có tiền để lừa đảo. Trong quá trình làm việc anh biết đó là công việc lừa đảo, anh không muốn làm nhưng công ty ép phải làm nếu không sẽ bị phạt bắt chạy bộ, bắt đứng làm việc. Quá trình làm việc tại công ty anh có ở cùng với các anh Lường Văn V1, Nùng Văn T1, Nùng Văn M, Cà Thanh T, Quàng Quốc Th, Lò Xuân Q, Quàng Văn B. Đến đầu tháng 8/2023, anh muốn xin nghỉ, công ty nói phải nộp tiền chuộc là 65 triệu thì M cho về, anh liên lạc với gia đình gửi tiền chuộc sang. Ngày 16/8/2023, anh cùng vớ H, Lò Văn Tr cùng một người nữa quê Nghệ An (không biết tên) được ông chủ cho người đưa ra sân bay Yangon, Myanmar về V Nam. Anh yêu cầu bị cáo V phải bồi thường cho gia đình anh số tiền 70 triệu đồng tiền gia đình chuộc anh về.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nùng Văn V trình bày tại cơ quan điều tra: ông là bố của bị hại Nùng Văn M; cuối tháng 3/2023, M nói với vợ ông về việc có Lường Thị V rủ đi làm ở công ty Thái Lan, lương khoảng 20 triệu đồng/tháng, công việc đánh máy tính, chi phí hộ chiếu đi lại được bao hết. Vợ chồng ông đồng ý cho M đi; đến ngày 09/4/2023, M cùng một số người khác cùng nhau đi xuống Hà Nội bay sang Thái Lan. Đến khoảng tháng 10/2023, M gọi điện về nhà nói phải nộp 150 triệu đồng thì công ty M cho về. Ông gửi trước cho M số tiền 20 triệu đồng, lần hai ông chuyển 80 triệu đồng. Sau đó, M gọi điện về bảo gia đình gửi tiền xe để M về; ông gửi cho M số tiền 60 triệu đồng để M mua vé và chi phí đi lại khi về nhà. Ông yêu cầu bị cáo V phải bồi thường số tiền 100 triệu đồng là tiền gia đình chuộc M về.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại Cà Thanh T và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quàng Thị H *trình bày tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa*: bà là mẹ của bị hại anh Cà Thanh T, bị cáo V là em họ của bà. Khoảng tháng 4/2023, bị cáo V gọi điện cho T hỏi T có đi làm việc bên Thái Lan không, công việc làm trên máy tính, lương khoảng 20 triệu đồng/tháng; sau đó T gọi điện để bà đi làm việc, bà đồng ý. Ngày 09/4/2023, T đi cùng với một số người xuống Hà Nội làm thủ tục bay sang Thái Lan; đi được khoảng một tháng rưỡi thì T gọi điện qua ứng dụng Messenger cho bà nói là đang ở Myanmar, ở công ty Trung Quốc bị ép làm công việc lừa đảo trên máy tính. Ngày 15/10/2023, T bảo bà chuyển tiền để T không bị bán sang công ty khác, bà chuyển số tiền 12.500.000 đồng tiền bán bò cho tài sản mang tên Bạc Cầm Ch.

Ngày 18/10/2023, bị cáo V gọi điện về cho bà bảo gửi số tiền 35 triệu đồng để chuộc T về. Bà đi vay được 30 triệu đồng chuyển vào tài khoản của bị cáo V, sau đó bà nhờ cháu gái là chị Quàng Thị Q chuyển tiếp 05 triệu đồng vào tài khoản của bị cáo V; đến gần tối bị cáo V gọi nói cần chuyển tiếp 15 triệu đồng là tiền thêm để chuộc T về. Bà nhờ anh Nùng Văn H là trưởng bản C chuyển 13 triệu đồng vào tài khoản của bị cáo V, nhờ chị Hà chuyển 1,5 triệu đồng và 500 nghìn đồng bà nhờ bị cáo V thêm vào giúp vì bà không còn tiền. Đến ngày 20/11/2023, T về đến nhà; bà yêu cầu bị cáo V phải bồi thường số tiền 50 triệu đồng là tiền gia đình vay mượn để chuộc T về.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lường Thị D trình bày tại cơ quan điều tra*:* bà là mẹ của bị hại anh Nùng Văn T1; khoảng tháng 4/2023, Thanh gọi cho bà nói có Lường Thị V rủ đi làm việc bên Thái Lan, công việc làm trên máy tính, lương khoảng 20 triệu đồng/tháng; bà đồng ý cho Thanh đi làm. Ngày 09/4/2023, Thanh đi cùng một số người nữa xuống Hà Nội rồi đi sang Thái Lan. Sau khi đến nơi thì Thanh có gọi điện cho bà nói là đang ở Myanmar, bị ép làm công việc lừa đảo tại công ty Trung Quốc. Khoảng tháng 10/2023, Thanh bảo bà chuyển 07 triệu đồng cho Th đưa cho công ty để tạm thời không bị chuyển đi công ty khác, không bị đánh đập; sau đó bà đã chuyển 07 triệu đồng vào nhưng số tài khoản của Bạc Cầm Ch. Ngày 18/10/2023, bị cáo V gọi điện cho bà nói là gửi 50 triệu đồng cho bị cáo V để chuộc Thanh ra khỏi công ty; ngày 19/10/2023 bà nhờ cháu trai là Nùng Văn C chuyển số tiền 50 triệu đồng vào số tài khoản của Lường Thị V. Ngày 20/11/2023, T1 được về nhà; bà yêu cầu bị cáo V phải bồi thường số tiền 50 triệu đồng là tiền gia đình vay mượn để chuộc T1 về.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quàng Thị H *trình bày tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa:* bà là mẹ của bị hại anh Lường Văn V1, bị cáo V là em họ của bà; khoảng tháng 4/2023, V gọi điện bảo bị cáo V giới thiệu sang bên Thái Lan làm việc với mức lương 20 triệu đến 21 triệu đồng/ tháng, chỉ cần biết làm máy tính là được; bà H đồng ý cho V đi. Ngày 09/4/2023, V đi cùng một số người nữa đi xuống Hà Nội làm thủ tục bay sang Thái Lan. Khoảng 2 tuần sau, V gọi điện về nói bị đưa sang Myanmar chứ không phải Thái Lan, làm ở công ty Trung Quốc làm công việc lừa đảo. Khoảng tháng 8/2023, V gọi điện về bảo bà chuẩn bị tiền chuộc V về vì không làm được việc. Khoảng đầu tháng 10/2023, bà chuyển 12,5 triệu đồng vào số tài khoản của V, bà nghe V nói đây là tiền để không bị bán sang công ty khác. Ngày 18/10/2023, bà Điêu Thị Q là mẹ của cháu Lò Xuân Q đi cùng V sang Myanmar sang nói chuyện với bà về việc đi vay tiền để gửi vào số tài khoản của Lường Thị V để chuộc V về. Sau khi vay được tiền, bà nhờ anh H ở quán Hoàng Hoan chuyển 35 triệu đồng, sau đó bị cáo V nói phải chuyển thêm 15 triệu đồng nữa, đến ngày 19/10/2023 bà vay đủ tiền nhờ anh Đặng Xuân B chuyển tiền cho bị cáo V. Sau đó giữa tháng 11/2023, V được về V Nam qua cửa khẩu ở Quảng B và được về nhà. Bà yêu cầu bị cáo Lường Thị V phải bồi thường cho gia đình bà số tiền 50 triệu đồng là tiền gia đình vay mượn đưa cho V để chuộc V về.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lường Thị Q trình bày tại cơ quan điều tra: bà là mẹ của bị hại anh Quàng Văn B, khoảng tháng 4/2023, V có giới thiệu B đi làm bên Thái Lan, công việc làm máy tính, lương tháng khoảng 20 triệu đồng/tháng, hai vợ chồng bà đồng ý cho B đi làm cùng V. Một thời gian sau B gọi về bảo là sang công ty bị bắt làm công việc lừa đảo, B không muốn làm nữa, muốn về thì bị công ty yêu cầu đòi tiền chuộc, nếu không sẽ bán sang công ty khác. Sau đó gia đình có gửi trước cho B số tiền 20 triệu đồng để công ty không bán B đi. Đến giữa tháng 10/2023, Quàng Thị V (chị gái B) gọi điện về bảo bà chuẩn bị số tiền 50 triệu đồng để gửi cho V nhờ V chuộc B ra khỏi công ty, gia đình đi vay được 48 triệu đồng, nhờ Viện bù thêm 02 triệu đồng chuyển cho V. Sau đó B được ra khỏi công ty trở về nhà; bà yêu cầu bị cáo V phải bồi thường số tiền 50 triệu đồng là tiền gia đình vay mượn để chuộc B về.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Điêu Thị Q trình bày tại cơ quan điều tra: bà là mẹ của bị hại Lò Xuân Q, cuối tháng 3/2023, trong khi ăn cơm tại nhà bố mẹ của bị cáo V, V nói với bà là cho con trai sang làm bên Thái Lan với V, lương khoảng 20 triệu đồng/tháng. Đến ngày 09/4/2023, Q đi cùng V, T, Th, B xuống Hà Nội để bay sang Thái Lan. Khoảng 01 tuần sau thì Q gọi điện cho bà qua ứng dụng Messenger nói là làm việc ở Myanmar, công việc lừa đảo. Ngày 16/10/2023, Q bảo bà chuyển tiền để không bị đưa sang công ty khác. Bà chuyển 10,5 triệu đồng vào tài khoản của Bạc Cầm Ch (làm cùng với Q). Ngày 18/10/2023, V gọi điện cho bà nói là gửi 35 triệu đồng để chuộc Q và nhờ bà đi bảo các gia đình khác để chuyển tiền cho V chuộc người ra khỏi công ty. Bà nhờ chị Quàng Thị T chuyển hộ tiền 35 triệu đồng vào tài khoản của V, đến tối V nói chuyển thêm 15 triệu đồng. Bà nhờ anh Đặng Xuân B chuyển tiền cho V. Sau đó Q nói chuyển thêm 16 triệu đồng là tiền xe, tiền ăn, rồi bà chuyển tiền cho Th làm cùng với Q. Đến ngày 20/11/2023, Q về đến nhà, bà yêu cầu bị cáo V phải bồi thường số tiền 50 triệu đồng là tiền gia đình vay mượn để chuộc Q về.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị Gi *trình bày tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa:* bà là mẹ của bị hại anh Quàng Quốc Th, vào khoảng đầu tháng 5/2023, bị cáo V sang nói chuyện bảo cho Th đi làm việc ở nước ngoài với V, công việc máy tính, lương tháng được 20 triệu đồng, công ty ở Thái Lan, gần Tết sẽ đưa Th về. Đến ngày 16/5/2023, Th đi cùng một số người khác xuống Hà Nội làm thủ tục đi nước ngoài làm việc. Sau khi Th ra nước ngoài làm việc, Th gọi điện về nhà nói là đang làm việc ở công ty Trung Quốc ở Myanmar, đến tháng 10/2023, Th gọi điện qua Messenger báo không làm được việc, bị người ta nhốt muốn về phải gửi 180 triệu đồng tiền chuộc về. Sau đó Th có gọi điện nói gửi trước 15 triệu đồng để không bị chuyển sang công ty khác, bà chuyển tiền vào tài khoản của Th. Khoảng tháng 10/2023, bị cáo V gọi điện về cho họ hàng nhà V để nói lại với bà chuyển tiền vào tài khoản của V số tiền 35 triệu đồng để đưa Th ra khỏi công ty, chiều tối V nói chuyển thêm 15 triệu đồng thì M được ra khỏi công ty, tổng là 50 triệu đồng. Bà nhờ em trai là anh Lò Văn H chuyển tiền 50 triệu đồng vào tài khoản của V. Đến ngày 20/11/2023, Th được ra khỏi công ty và về Việt Nam; bà yêu cầu bị cáo V phải bồi thường số tiền 50 triệu đồng là tiền gia đình vay mượn để chuộc Th về.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quàng Thị V trình bày tại cơ quan điều tra*:* bà là mẹ của bị hại Quàng Văn S, khoảng tháng 6/2023, S nói với bà là bị cáo V rủ đi làm ở Thái Lan, công việc làm trên máy tính, lương tháng khoảng 20 triệu đồng/tháng, bà không đồng ý nhưng S vẫn nhất quyết đi. Sau đó cuối tháng 6/2023, S cùng Quàng Văn M đi xuống Hà Nội, bà không biết S đi làm ở đâu. Sau đó vài ngày, S gọi điện về nói làm việc ở công ty Trung Quốc bị ép làm lừa đảo trên mạng; đến đầu tháng 10/2023, S gọi điện về nói không làm việc thì bị công ty đuổi, nếu muốn về phải nộp 150 triệu đồng, nếu không sẽ bị bán sang công ty khác. Sau đó công ty giảm xuống còn 100 triệu đồng, bà đi vay đủ 100 triệu đồng nhờ Quàng Thị T là cháu của bà chuyển cho S 3 lần tiền, lần 1 là 20 triệu đồng vào tài khoản của Nùng Văn M là người ở cùng S, lần 2 là 50 triệu đồng chuyển vào tài khoản của S, lần 3 là 43 triệu đồng vào tài khoản của S. Tổng số tiền trên gồm 80 triệu đồng tiền chuộc nộp cho công ty, còn lại là tiền mua vé xe khách, vé máy bay về Việt Nam. Sau đó S được về Việt Nam; bà yêu cầu bị cáo V phải bồi thường cho gia đình bà số tiền 80 triệu đồng tiền gia đình đi vay mượn chuộc S ra khỏi công ty.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quàng Văn S *trình bày tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa:* ông là bố của bị hại anh Quàng Văn M, khoảng cuối tháng 6/2023, M xin đi sang Thái Lan làm thuê, làm việc với máy tính, đi không mất tiền, lương cao từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng/tháng. Ông đồng ý cho M đi nhưng không biết ai giới thiệu và đưa đi như thế nào; ngày 28/6/2023, M đi xe khách xuống Hà Nội để đi máy bay sang nước ngoài. Khoảng đầu tháng 8/2023, M gọi điện qua ứng dụng Facebook nói ông chuẩn bị 70 triệu đồng chuộc M về, bên này làm công việc lừa đảo, M không ở lại làm được. Sau đó ông đi vay được 70 triệu đồng, nhờ Quàng Thị Ú là em gái vợ ông chuyển vào tài khoản mà M gửi cho ông. Khoảng một tuần sau M gọi điện về báo được công ty cho về nhưng do bên Myanmar đang lũ lụt nên chưa về được, đến ngày 18/8/2023 thì M về đến Việt Nam. Ông yêu cầu bị cáo V phải bồi thường cho gia đình số tiền 65 triệu đồng tiền chuộc M ra khỏi công ty Trung Quốc.

Người làm chứng anh Lường Văn Ngh trình bày tại cơ quan điều tra: khoảng đầu tháng 4/2023, anh có lên hội nhóm Telegram tìm việc, có một tài khoản tên "An" nhắn tin bảo sang Thái Lan làm công việc lương cao. Sau đó anh bị đưa sang Myanmar làm công việc lừa đảo. Khi anh làm việc ở công ty lừa đảo có gặp Quàng Văn Th, Lò Duy M và Lườngg Văn Q, Lường Văn V1, Nùng Văn T1, Nùng Văn M, Quàng Văn S, Quàng Quốc Th, Lò Xuân Q, Cà Thanh T, Quàng Văn B, Quàng Văn M sang làm việc. Sau đó, gia đình anh đã gửi tiền sang để nộp vào công ty và anh được về Việt Nam

Người làm chứng anh Lò Văn Q trình bày tại cơ quan điều tra: khoảng cuối tháng 3/2023, có Lò Thị Ph nhắn tin qua tài khoản Facebook rủ anh sang Thái Lan làm việc lương cao. Sau đó anh bị đưa sang Myanmar làm công việc lừa đảo. Khi làm việc khoảng 10 ngày anh có gặp Quàng Văn Th, Lò Duy M và Lường Văn Q, Lường Văn V1, Nùng Văn T1, Nùng Văn M, Quàng Văn S,

Quàng Quốc Th, Lò Xuân Q, Cà Thanh T, Quàng Văn B, Quàng Văn M sang làm việc. Sau đó, anh được tổ chức Rồng Xanh giải cứu về V Nam

Người làm chứng anh Lò Văn Tr trình bày tại cơ quan điều tra: khoảng đầu tháng 5/2023, anh có lên mạng xã hội Facebook tìm việc thì có một trang quảng cáo đăng tin tuyển người sang Myanmar làm việc. Anh liên hệ và đi sang Myanmar làm việc, anh có đi cùng với Quàng Quốc Th sang Myanmar. Làm một thời gian anh M biết đó là công việc lừa đảo, gia đình anh đã phải gửi số tiền 120 triệu, sau khi nhận được tiền ông chủ cho anh ra sân bay Myanmar về V Nam.

Người làm chứng anh Bạc Cầm Ch, anh Lò Văn H trình bày: đầu tháng 4/2023, anh Ch, anh H cùng nhau đi Thái Lan làm công việc máy tính lương cao. Sau đó bị đưa sang Myanmar làm công việc lừa đảo, đến cuối tháng 5/2023 có Quàng Văn B, Lò Xuân Q chuyển từ công ty khác sang làm cùng; cuối tháng 6/2023 có Nùng Văn T1, Nùng Văn M, Cà Thanh T, Lường Văn V1, Lò Văn Ng, Lò Văn Q, Lò Duy M, Lường Văn Q, Quàng Văn Th, Lò Văn D đến làm. Các anh xin nghỉ nhưng quản lý yêu cầu phải nộp tiền chuộc, do không có tiền chuộc nên bị chuyển sang công ty khác, trên đường đi bị Công an Myanmar bắt lại, sau đó chị Mai nói chuẩn bị tiền để được về Việt Nam. Gia đình anh đã chuyển tiền và các anh được về Việt Nam.

Người làm chứng anh Quàng Văn Th trình bày tại cơ quan điều tra: khoảng giữa tháng 4/2023 anh lên mạng xã hội Telegram tìm việc, có một người phụ nữ nhắn tin cho anh nói đi làm ở Thái Lan lương cao. Anh đồng ý và lên Hà Nội đi đến sân bay Nội Bài thì gặp Lò Văn H và Bạc Cầm Ch. Sau đó cùng nhau đi đến sân bay Băng Cốc, Thái Lan và lại được hướng dẫn bay đến sân bay Yangon, Myanmar. Làm việc ở đây anh M biết là công việc lừa đảo, đến cuối tháng 5/2023 có Quàng Văn B, Lò Xuân Q chuyển từ công ty khác sang làm cùng anh, đến cuối tháng 6/2023 có Nùng Văn T1, Nùng Văn M, Cà Thanh T, Lường Văn V1, Lò Văn Nghiệp, Lò Văn Q, Lò Duy M, Lường Văn Q, Quàng Văn Th, Lò Văn D sang chỗ anh làm. Anh xin nghỉ nhưng quản lý yêu cầu phải nộp tiền chuộc, do không có tiền chuộc nên là anh bị chuyển sang công ty khác, trên đường đi bị Công an Myanmar bắt và nhốt, ở đó có chị Mai nói chuẩn bị tiền để được đưa về Việt Nam. Gia đình anh đã chuyển tiền và anh được về Việt Nam sau đó.

Người làm chứng anh Lò Duy M, anh Lườngg Văn Q trình bày tại cơ quan điều tra: khoảng tháng 4/2023, các anh được Lò Thị Ph rủ sang Thái Lan làm việc lương cao. Cùng đi với các anh còn có Quàng Văn Th. Lên Hà Nội thì gặp thêm Lường Văn V1, Cà Thanh T, Nùng Văn T1, Nùng Văn M, Lò Xuân Q, Quàng Văn B được bị cáo V đón. Mọi người đều bay sang Thái Lan rồi lên xe đi đến Myanmar vào một công ty Trung Quốc. Khi làm việc ở đây anh M biết đó là công ty lừa đảo. Cuối tháng 5/2023, các anh thấy Quàng Văn B và Lò Xuân Q chuyển sang công ty khác. Đêm ngày 30/6/2023, các anh, Quàng Văn Th, Lường Văn V1, Nùng Văn T1, Nùng Văn M, Cà Thanh T, Lò Văn Dũng, Lường Văn Ngh, Lò Văn Q bị đưa sang công ty khác. Giữa tháng 10/2023, công ty thứ

2 nói chuyển mọi người sang công ty khác, trên đường đi bị Công an Myanmar bắt lại, ở đó chị Mai nói chuẩn bị tiền để được đưa về V Nam. Gia đình các anh đã chuyển tiền sau đó mọi người được về Việt Nam.

Người làm chứng ông Nùng Văn H trình bày tại cơ quan điều tra: Ngày 06/10/2023, ông Nùng Văn V đến nhà nhờ chuyển 80 triệu đồng vào tài khoản 22668666 của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) mang tên THAI THI THAO. Ngày 18/10/2023, chị Quàng Thị H đến nhà ông nhờ chuyển 13 triệu đồng đến tài khoản ngân hàng BIDV số 2600921707 của Lường Thị V. Ông chỉ biết con của những người nhờ chuyển khoản làm ở nước ngoài, còn chuyển tiền làm gì thì ông không biết.

Người làm chứng ông Đặng Xuân B trình bày tại cơ quan điều tra: chiều ngày 19/10/2023, chị Điêu Thị Q nhờ ông chuyển khoản 15 triệu đồng, chị Quàng Thị H nhờ ông chuyển khoản 16.500.000 đồng vào tài khoản ngân hàng BIDV số 3600921707 tên Lường Thị V, hai chị chuyển tiền làm gì thì ông không biết.

Người làm chứng ông Hoàng Văn H trình bày tại cơ quan điều tra: ngày 18/10/2023 chị Quàng Thị H và chị Quàng Thị H có đến cửa hàng ông nhờ chuyển khoản tổng cộng 65 triệu đồng đến tài khoản BIDV số 3600921707 tên Lường Thị V. Ông chỉ nghe hai chị bảo chuyển tiền cho con đi làm ở nước ngoài, còn chuyển làm gì thì ông không biết.

Tại phiên tòa bị cáo Lường Thị V thừa nhận hành vi phạm tội theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố và Tòa án xét xử là đúng người, đúng tội không oan sai; công nhận lời khai của các bị hại và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lường Thị V đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm như sau:

Tuyên bố bị cáo Lường Thị V phạm tội Mua bán người và tội Mua bán người dưới 16 tuổi. Áp dụng điểm đ khoản 3 Điều 150; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lường Thị V từ 13 năm đến 14 năm tù về tội Mua bán người. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lường Thị V từ 09 năm đến 10 năm tù về tội Mua bán người dưới 16. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung của bị cáo từ 22 năm đến 24 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 150 và khoản 4 Điều 151 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, cũ đã qua sử dụng thu giữ của Lường Thị V, cơ quan CSĐT tiếp tục tạm giữ lưu tại Kho vật chứng Công an tỉnh để phục vụ cho việc điều tra hành vi mua bán người của Tạ Thị H và Nguyễn Thị A, không đề nghị xử lý trong vụ án này.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Lường Thị V phải nộp 280.000.000 đồng là tiền do phạm tội mà có vào ngân sách nhà nước. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: trong quá trình điều tra các bị hại Cà Thanh T, Nùng Văn T1, Lường Văn V1, Quàng Văn B, Lò Xuân Q, Quàng Quốc Th yêu cầu bị cáo phải bồi tH cho mỗi người 50.000.000 đồng; bị hại Quàng Văn S yêu cầu bồi thường 80.000.000 đồng; bị hại Quàng Văn M yêu cầu bồi thường 65.000.000 đồng; tại phiên tòa bị hại Nùng Văn M yêu cầu bồi thường 100.000.000 đồng, áp dụng điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 592, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc bị cáo V phải bồi thường cho các bị hại theo quy định.

Về án phí, đề nghị áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lường Thị V không có ý kiến tranh luận về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện sinh sống của bị cáo thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo nhận thức pháp luật chưa đầy đủ; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo tích cực cung cấp thông tin giúp cơ quan điều tra khám phá về hành vi mua bán người của đối tượng Lò Thị Ph; tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại Cà Thanh T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; cũng tại phiên tòa bị cáo từ nguyện dùng số tiền đang bị phong tỏa để bồi thường cho các bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm đ khoản 3 Điều 150; điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm b, điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xem xét áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa. Đồng nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh về án phí và xử lý vật chứng. Về trách nhiệm bồi thường dân sự, đề nghị ghi nhận thỏa thuận tự nguyện bồi thường của bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại Cà Thanh T, Nùng Văn T1, Lường Văn V1, Quàng Văn B, Lò Xuân Q, Quàng Quốc Th, Quàng Văn S, Quàng Văn M, Nùng Văn M là ông Tạ Ngọc Vân đề nghị, đồng thuận với luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa; xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải, tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra trong điều tra, khám phá tội phạm, tích cực giúp đỡ bị hại để sớm được về Việt Nam; đồng nhất với ý kiến của các bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường, căn cứ vào ý kiến của bị cáo tại phiên tòa ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện bồi thường của bị cáo cho các bị hại.

Tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại Cà Thanh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trong lời nói

sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin lỗi các bị hại cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: các bị hại Cà Thanh T, Nùng Văn T1, Lường Văn V1, Quàng Văn B, Lò Xuân Q, Quàng Quốc Th, Quàng Văn S, Quàng Văn M, Nùng Văn M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các bà Lường Thị D, Lường Thị Q, Điêu Thị Q, Quàng Thị V; những người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nùng Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt của những người có tên trên không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và họ đã có lời khai tại cơ quan điều tra, trong đơn xin xét xử vắng mặt đều có ý kiến giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội:

Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2022 đến tháng 3/2023, bị cáo Lường Thị V làm việc tại công ty do người Trung Quốc quản lý tại Yathai, Myanmar, bị cáo biết rõ người lao động trong Công ty phải làm việc trung B 12 giờ/01 ngày nếu không đủ chỉ tiêu công ty giao thì phải tăng ca thêm 02 giờ; người lao động bị thu giữ hộ chiếu, không được đi lại tự do; không làm sẽ bị dọa bán đi công ty khác hoặc muốn nghỉ làm phải nộp số tiền chuộc rất lớn, phải làm việc phi pháp lừa đảo quan mạng xã hội. Tuy nhiên, khi biết có thể thu được lợi nhuận từ việc đưa người lao động là người V Nam sang Myanmar vào công ty làm việc. Bị cáo lợi dụng các bị hại đang tìm việc làm, cố ý đưa ra thông tin giả sang Thái Lan làm công ty máy tính, bán hàng online với mức lương khoảng

20.000.000 đồng đến 21.000.000 đồng/01 tháng, nếu làm nhiều sẽ được thêm tiền hoa hồng; không mất chi phí đi lại. Sau đó, hướng dẫn các công dân gửi thông tin làm hộ chiếu, liên lạc với các đối tượng Tạ Thị H, Nguyễn Thị A trong việc làm hộ chiếu, mua vé máy bay, thuê xe đón người tại sân bay Bangkok - Thái Lan, sân bay Yangon - Myanmar và chuyển giao các bị hại cho đối tượng người Trung Quốc để nhận tiền sử dụng cho mục đích cá nhân, thể hiện:

- *Lần thứ nhất:* ngày 10/4/2023, dưới sự hướng dẫn của bị cáo Lường Thị V, Tạ Thị H, Nguyễn Thị A các anh Cà Thanh T, Nùng Văn T1, Lường Văn V1, Quàng Văn B, Lò Xuân Q và Nùng Văn M làm thủ tục xuất cảnh đi từ sân bay Nội Bài- Hà Nội sang sân bay Bangkok-Thái Lan. Sau đó di chuyển bằng xe ô tô do H bố trí, đón và đưa các bị hại vào công ty Trung Quốc tại Yathai-Myanmar làm công việc lừa đảo trên không gian mạng.

- *Lần thứ hai*: ngày 17/5/2023, bị cáo V hướng dẫn anh Quàng Quốc Th làm thủ tục xuất cảnh đi từ sân bay Nội Bài- Hà Nội sang sân bay Yagon-Myanmar và được H bố trí đón người đưa vào Công ty Trung Quốc tại Yathai-Myanmar làm công việc lừa đảo trên không gian mạng.

- *Lần thứ ba:* ngày 30/6/2023, bị cáo Lường Thị V gửi vé máy bay và hướng dẫn cho các anh Quàng Văn S và Quàng Văn M làm thủ tục xuất cảnh bay từ sân bay Nội Bài- V Nam sang sân bay Yagon- Myanmar sau đó được H bố trí người đón vào công ty Trung Quốc tại Yathai- Myanmar làm công việc lừa đảo trên không gian mạng.

Lời khai của bị cáo V phù hợp với lời khai của các bị hại; Đơn tố giác tội phạm (BL 01-03); Biên bản xác minh lịch sử xuất nhập cảnh của Quàng Văn B, Nùng Văn T1, Cà Thanh T, Lường Văn V1, Lò Xuân Q, Quàng Quốc Th, Quàng Văn M, Lường Thị V (BL 74, 75); Biên bản kiểm tra điện thoại của Lường Thị V (BL 140-608); Kết luận giám định; biên bản ghi lời khai của những người làm chứng, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Mặc dù quá trình điều tra không lấy được lời khai của anh Nùng Văn M do không có mặt tại địa phương và không rõ địa chỉ M, nhưng căn cứ vào đơn trình bày đề ngày 17/02/2025 của anh Nùng Văn M, lời khai của các anh Cà Thanh T, Nùng Văn T1, Lường Văn V1, Quàng Văn B, Lò Xuân Q, Quàng Quốc Th, Quàng Văn S, Quàng Văn M phù hợp với chính lời khai của bị cáo V, phù hợp với lịch sử xuất, nhập cảnh của anh M. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định từ tháng 4/2023 đến tháng 6/2023, bị cáo Lường Thị V đã có hành vi chỉ dẫn, đưa các anh Cà Thanh T, Nùng Văn T1, Lường Văn V1, Quàng Văn B, Lò Xuân Q, Quàng Quốc Th, Quàng Văn S, Quàng Văn M, Nùng Văn M ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa V Nam, chuyển giao cho một người khác để nhận 09 vạn Nhân dân tệ tương đương với 280.000.000 VNĐ. Hành vi của bị cáo gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội, đủ yếu tố cấu thành tội "*Mua bán người*", với tổng số người bị cáo chuyển giao là 08 người bị cáo phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 150 của Bộ luật Hình sự. Riêng đối với

hành vi đưa và chuyển giao bị hại Cà Thanh T, tại thời điểm chuyển giao anh T đạt 15 tuổi 09 tháng 17 ngày; do đó, bị cáo còn phạm thêm tội *"Mua bán người dưới 16 tuổi"* theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 151 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 32/CT-VKS-P2 ngày 21/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lường Thị V về tội danh, điểm, khoản, điều luật áp dụng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình bị Nhà nước nghiêm cấm và sẽ bị xử lý nghiêm khắc. Hành vi của bị cáo xâm phạm quyền được bảo vệ về thân thể, nhân phẩm của con người nói chung và của phụ nữ nói riêng. Việc mua bán người trên địa bàn tỉnh Điện Biên trong thời gian qua có nhiều diễn biến phức tạp và ngày càng tinh vi, hành vi phạm tội của bị cáo được che dấu dưới vỏ bọc giới thiệu người đi lao động tại nước ngoài; lợi dụng sự tin tưởng của họ hàng, bạn bè để đưa và bán họ nhằm thu lợi bất chính. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự an toàn xã hội và sự bất B trong Nhân dân.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

Bị cáo Lường Thị V sinh ra và cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bản thân được gia đình tạo điều kiện cho đi học hết lớp 9/12. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vì lợi ích cá nhân. Bị cáo chưa có tiền sự; chưa có tiền án. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã giúp cơ quan điều tra phát hiện tội phạm Mua bán người của Lò Thị Ph (Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên đã khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với Lò Thị Ph). Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại Cà Thanh T, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo; về tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng là không có căn cứ, bởi lẽ số tiền bị phong tỏa sẽ bị xem xét để đảm bảo cho việc thi hành án. Về tình tiết tăng nặng: bị cáo có 03 lần phạm tội, nên bị áp dụng tình tiết quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với tội Mua bán người.

[5] Về hình phạt chính:

Từ các phân tích tại các đoạn [1], [2], [3], Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo Lường Thị V hình phạt tù thật nghiêm khắc để răn đe và giáo dục bị cáo; phòng ngừa tội phạm chung. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại về hình phạt chính đối với bị cáo là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Về hình phạt đối với tội Mua bán người dưới 16 tuổi, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình

sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên tòa về áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 4 Điều 150 và khoản 4 Điều 151 của Bộ luật Hình sự bị cáo có thể bị phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, quá trình điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có thu nhập thường xuyên, không có tài sản. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội của bị cáo:

Đối với số tiền 280.000.000 VNĐ, bị cáo đã nhận được từ việc chuyển giao các bị hại, cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo phải nộp toàn bộ vào ngân sách Nhà nước.

[8] Các vấn đề khác của vụ án:

Đối với các Lườngg Văn Q, Quàng Văn Th, Lò Duy M (do Lò Thị Ph giới thiệu) và Lò Văn Tr là những người H nhờ bị cáo V hướng dẫn đi sang Myanmar để làm việc. Bị cáo V không biết H đưa những người trên sang Myanmar để làm gì, không được hứa hẹn, hưởng lợi gì trong việc đưa đón này, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên không đề cập xử lý Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Đối với Sa Thị Th là cháu gái và Lường Thị T là em gái bị cáo V sang làm cùng quán hát của H, A. Bị cáo V được nhận số tiền công giới thiệu 20.250.000, trước khi sang Myanmar, Th và T đều biết rõ về công việc và cả hai tự nguyện làm nên không đặt vấn đề xử lý trong vụ án.

Đối với Tạ Thị H và Nguyễn Thị A hiện vắng mặt tại nơi cư trú,, ngày 10/8/2024 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên đã khởi tố bị can ra lệnh truy nã số 777, 779/QĐTN-CSHS để truy bắt Tạ Thị H và Nguyễn Thị A đến nay chưa có kết quả. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên đã ra Quyết định tách vụ án hình sự để điều tra theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Đối với Huỳnh Thị Ngọc T là người đăng ký số tài khoản ngân hàng Vietcombank 1027516801 sau đó đưa cho Nguyễn Thị A sử dụng, T không biết A sử dụng số tài khoản vào việc gì nên đề cập xử lý. Hồ Hữu Á, Nguyễn Thảo Ng là người đứng tên các tài khoản ngân hàng mà Tạ Thị H gửi cho bị cáo V để gửi tiền chuộc của các bị hại. Quá trình xác minh Á, Ng đều vắng mặt tại địa phương nên chưa có căn cứ xác minh làm rõ.

Các bị hại khai bị đưa vào công ty Trung Quốc tại Myanmar ép làm công việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng. Quá trình điều tra xác định vụ việc xảy ra ở ngoài lãnh thổ nước CHXHCN V Nam, không đủ căn cứ, tài liệu để xác định các bị hại có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan

CSĐT, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên không đề cập xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về trách nhiệm bồi tH dân sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại và các bị hại Cà Thanh T, Nùng Văn T1, Lường Văn V1, Quàng Văn B, Lò Xuân Q, Quàng Quốc Th yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho mỗi người 50.000.000 đồng; bị hại Quàng Văn S yêu cầu bồi thường 80.000.000 đồng; bị hại Quàng Văn M yêu cầu bồi thường 65.000.000 đồng; bị hại Nùng Văn M yêu cầu bồi thường 100.000.000 đồng. Cũng tại phiên tòa bị cáo Lường Thị V đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của các bị hại. Xét thấy thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 592, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự ghi nhận sự thỏa thuận của các bên.

[10] Về xử lý vật chứng: đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, cũ đã qua sử dụng thu giữ của Lường Thị V, cơ quan CSĐT đang tạm giữ lưu tại Kho vật chứng Công an tỉnh để phục vụ cho việc điều tra hành vi mua bán người của Tạ Thị H và Nguyễn Thị A, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý trong vụ án này.

Trong giai đoạn điều tra Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên đã áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản số 3600921707 của Ngân hàng BIDV mang tên Lường Thị V, trong tài khoản có số dư 30.061.291 đồng. Quá trình điều tra xác định khoản tiền trên thuộc sở hữu hợp pháp của Lường Thị V và không liên quan đến vụ án. Hội đồng xét thấy, cần áp dụng Điều 129 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản để đảm bảo cho việc thi hành án.

[11] Về án phí:

Bị cáo Lường Thị V sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Quyết định 612/QĐ-UBDT, ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc ban hành phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử thấy cần miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 150; điểm đ khoản 2 Điều 151 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố:

Bị cáo Lường Thị V phạm tội Mua bán người và tội Mua bán người dưới

16 tuổi.

Áp dụng điểm đ khoản 3 Điều 150; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lường Thị V 13 năm tù về tội Mua bán người.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lường Thị V 10 năm tù về tội Mua bán người dưới 16 tuổi.

Áp dụng điểm a khoản 1 điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung của bị cáo là 23 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2023.

2. Trách nhiệm bồi tH dân sự:

Áp dụng điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 592, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường dân sự giữa bị cáo Lường Thị V và các bị hại, cụ thể như sau:

Bị cáo Lường Thị V có trách nhiệm bồi tH thiệt hại chi phí giải cứu như sau:

+) Bồi thường cho anh Cà Thanh T, anh Lường Văn V1, anh Nùng Văn T1, anh Lò Xuân Q, anh Quàng Quốc Th, anh Quàng Văn B mỗi người 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*.

+) Bồi thường cho anh Quàng Văn M 65.000.000 đồng *(Sáu mươi lăm triệu đồng)*.

+) Bồi thường cho anh Quàng Văn S 80.000.000 đồng *(Tám mươi triệu đồng)*.

+) Bồi thường cho anh Nùng Văn M 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật các anh Cà Thanh T, Lường Văn V1, anh Nùng Văn T1, anh Lò Xuân Q, anh Quàng Quốc Th, anh Quàng Văn B, Quàng Văn M, Quàng Văn S, Nùng Văn M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Lường Thị V chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Lường Thị V phải nộp 280.000.000 đồng *(Hai trăm tám mươi triệu đồng)* vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng Điều 129 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tiếp tục áp dụng biện pháp phong tỏa 01 tài khoản số 3600921707 mang tên Lường Thị V mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển V Nam (BIDV) chi nhánh tỉnh Điện Biên, số tiền bị phong tỏa 30.061.291 đồng (Ba *mươi triệu không trăm không chục sáu mươi mốt nghìn hai trăm chín mốt đồng*) của bị cáo Lường Thị V để đảm bảo việc thi hành án.

4. Về án phí: áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo V.

5. Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại Cà Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại Cà Thanh T có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bị hại Cà Thanh T, bà Quàng Thị H, Quàng Thị H, Lò Thị Gi, Quàng Văn S có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại Cà Thanh T, Nùng Văn T1, Lường Văn V1, Quàng Văn B, Lò Xuân Q, Quàng Quốc Th, Quàng Văn S, Quàng Văn M, Nùng Văn M, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuân thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc 1 TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Công an tỉnh Điện Biên (PC02);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại Tạm giam;
- Bị cáo; các Bị hại và Người đại diện hợp pháp, Người có QLNVLQ;
- Người BVQ và LIHP cho bị hại;
- Cục thi hành án DS tỉnh Điện Biên;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hòa